TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 382/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 213/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phan Thị Vân H, sinh năm 1994;

Thường trú: số a đường b, phường Phú Định, Tp. Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1994;

Thường trú: số c đường d, phường Bình Tiên, Tp. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 8 năm 2025, những nội dung các đương sự thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm nên hai bên thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T cùng khai hai bên có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 01/01/2023 và Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 09/12/2024. Hai bên thỏa thuận giao trẻ Nguyễn Thị Ngọc N và trẻ Nguyễn Thị Kim T cho bà Phan Thị Vân H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 05 dương lịch hằng tháng.

[3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T cùng xác định không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T chịu.

Xét bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T thực sự tự nguyện ly hôn, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Hai bên đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung. Sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên cần chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36, đăng ký ngày 14/6/2021 do Ủy ban nhân dân Phường 7, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Ngọc N và trẻ Nguyễn Thị Kim T cho bà Phan Thị Vân H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 05 dương lịch hằng tháng.

Việc giao nhận tiền cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ ngày 05 tháng 9 năm 2025 cho đến khi có căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Phan Thị Vân H, nếu ông Nguyễn Văn T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông Nguyễn Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T cùng xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T cùng xác định không có khoản nợ nào chung và cũng không thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (*ba trăm nghìn)* đồng do bà Phan Thị Vân H và ông Nguyễn Văn T chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010747 ngày 22/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV3, TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ

.

Nguyễn Thị Thanh Chi